T011 BD 2 (28) 160-Luận Bồ Tát Bản Sanh Man-Q12-Như Lai Đầy Đủ Trí Tuệ Không Gánh Việc Tốt Người Khác

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN QUYỂN 12

V ng t ng c u nhi m, kh não bu c che cùng t n nh cõi không. Đó là tùy thu n th u đ t theo nhân B -tát. Th nào là hình t ng các b c Thanh văn, Duyên giác còn mong đ t, nên g i là "đ ng chuy n"? T t b c Đ i th a (là) an đ nh, vô đ ng. Ni t-bàn hi n bày: thanh t nh, t ch m c. Tánh thi n không nhi m, viên mãn tuy t đ i. L c d ng đ t đ c (là) nhân di u "vô tác". Tâm c nh hòa h p, uy n chuy n vô biên. G c trí tu sinh l c d ng bao la. Ph t tánh hi n bày, h ng d t (cõi) vô gián. Phàm tánh đã d t. Hành, gi i thi n di u, rõ nghĩa d t s . Thâu gi m i m i, văn nghĩa bao la. Nhân Thánh t n cùng, d t m i hý lu n. Gi gìn nghĩa l i nh S t v ng. Thanh t nh vô c u đ t ph c ng i, tr i. Th ng nghĩa chân th t mênh mông, hòa thu n. R c r , b t thoái, ch ng , d t b (phi n não, hý lu n). Th ng di u, thanh t nh viên mãn đáng yêu; dung m o (đ c) Đ Thích cung kính, tôn sùng. Th nào là hành đ ng phát sinh, chuy n bi n? Thanh t nh, xa lìa nh mây ph che. Dung m o t ch tĩnh, vô c u tăng tr ng. Chân lý h p ý, g c c a t t i. T tánh r t ráo, l c d ng tr ng phu. Đ t n c yên lành, d t m i h nh ác. S c t ng quý giá, t o tác th ng d ng. Nh T th n túc t t b c. T tánh thông t d ng nuôi chân th t. N i ch n tham d c, tâm Bi yêu giúp. Thân tâm thông su t, d t tr v ng t ng. Hành t ng trói bu c, l u chuy n không d ng. Trí tu th tánh, chi ph n thù th ng. T t c b nh n n, nh n rõ th t h . X s đi u hòa, t n cùng ngu n ng n. Năng l c d c tu (đ t) di u d ng t ch tĩnh. Dòng thác pháp nhi m, Thánh trí năng tr . Qu v b t lai, các cõi h t nhân: Trói bu c nhi m tánh, l c d ng tĩnh l ng. Ch ng hý lu n (cùng) g c r điên đ o. Nhãn th c duyên s c, ý th c và th c (th) tám. Ba th c cùng th i đ u có duyên d ng (v i s c: c nh). T tánh thanh t nh (là) nhân c a d n d y. Nh n rõ t c h , cung kính cúng d ng. Là ch n d c tu h p ph n r ng kh p. T o nhân đ l c (di t) ch ng, nhi m, điên đ o. T o nhân t nh di u, hóa đ tr n đ . Công h nh b thí, mong đ t Đ i th a. Đúng b c tr ng phu: hành đ ng cùng t n. L c d ng phát kh i, th u đ t thanh t nh. N i ch n thanh t nh, h nh thí viên mãn. C u cánh đ sinh (là) c u giúp hòa h p. Xa lìa các t ng, cõi tánh thêm tăng. H ng t i hoan l c, hành đ ng (d r i vào) điên đ o. Hình t ng t n cùng (là) m hi n yêu d ng (con). B thí g m đ danh, t ng các lo i. Ch ng , d c tu, rõ nghĩa b t thoái. Hành thí bình đ ng, thu n h p thêm tăng. Là ch n B -tát h ng c u chân th t. Bi nguy n tu t p. Kinh, giáo thành t u. Nhân t ng thù th ng (là) b thí bình đ ng. Thông t phép t c, t t i t ch tĩnh. Đ c h i hi n bày, si đ n đ u đ . Th ng nghĩa t t b c (là) th c hi n thanh t nh. Hành, gi i b t thoái, (nh n) rõ g c tai h a. Thông t , ch ng các th nhi m, v ng. Nhân không (theo đúng) m u m c, (cũng nh) thành p (b) h y ho i. Cõi xa khó t i, tâm linh (cũng) nh v y. Sinh lo i cõi ng i, điên đ o si đ n. Các m n (cùng v i) m i pháp hòa h p sinh kh i. Th chân th t y, hý lu n t o nhi m. T tánh ch p ngã, tâm d y hý lu n. Kh p ch n t o nhân, kh h p t n cùng. Thông t cùng t n, h ng đ t tinh di u. B i b m

trói bu c, Ph t đ o tr di t. N i ch n an tĩnh, d ng nuôi thành th t. T tánh th u đ t, ngôn ng phát sinh. H u tình ái d c, chi ph n ô nhi m. Điên đ o si m n ch p ngã đ u có. Cõi ý thu n h p, thanh t nh hi n hành. H ng c u hý lu n, dòng thác thêm m nh. Nghi p d , c u u , n i ch n

không bày. Năng lìa nhi m bu c, hình t ng tĩnh l ng. Ý pháp kh h p, t o tác gi m, tăng. Hóa đ đúng th c (là) thanh t nh thu n h p. Cõi qu hi n bày cũng không t n t i. Kh não, l m l i, (do) t bu c không m . Th ng nghĩa bình đ ng, không nhân sao đ t. Th u su t t n cùng m i n o d c l c. Là ch n m i ng i siêng tu Thánh đ o. Th u rõ hành t ng trói bu c d y thêm. Gánh vác vi c l n, h ng đ t nhân th ng. C u cánh viên mãn (là) th ng nghĩa phát sinh. Hành thí bình đ ng, l c d ng thông t . Hóa đ qu n mê d n v n o th t. Các pháp b nhi m g c t ngã m n. Tham ái d c l c qu y đ ng t t i. B c th y m u m c ch d y rõ l i. Hình t ng thanh t nh vô biên nh v y. T o tác đây (thanh t nh) nhân (c a) m i hành nghi p. Hóa đ chúng sinh d t m i ho n n n. Điên đ o hý lu n, h u tình ch ng . T t i ít d c nh n rõ tánh nhi m. Xa lìa ái bu c (đ t) bình đ ng chân th t. Thánh qu t i th ng (là) nghiêm t nh hi n hành. Ngu n ng n hòa h p, t p nhi m đ u s ch. Di u d ng t tánh, ngh ch c nh thành thu n. Là x B -tát cõi tánh thanh t nh. Gi ng gi i phát kh i t n cùng kh p ch n. Tâm không s c t ng thông t t t b c. Nhân th ng thành t u, tín ng ng nên g n (bó). T tánh tri ki n sinh kh i t n cùng. Hình t ng bình đ ng (là) hành đ ng thu n h p. “Vô úy” g m đ (là) đ c h nh (c a) chúng sinh. N i ch n v ng tu, thu n theo chân th t. C i r thanh t nh, tĩnh l ng, “b t sinh”. T t i (trong) bi n chuy n, th m thâm khó đ t. H u tình hành gi i đ y đ g c t ch (tĩnh c a mình). Trí tu ch ng đ t t nh di u thu n khi t. T n cùng b thí (nh m đ t) s c t ng ít d c. Chi ph n t o nghi p, h p nh t b t thoái. Thu n theo hành, gi i, b thí ban vui. B thí kh p ch n, đ c h nh tr n đ . Đi u ph c nhân hành mong đ t c u cánh. Lìa b đ n, bu c ph i có b n lành. L c d ng t o tác (l y) chi ph n làm g c. Hý lu n d y kh i, trói bu c t t i. Chính n i hý lu n, tu thí d t nhi m. Cõi ý chân th t, chân lý m i hi n. Buông theo dòng thác, điên đ o trùm kh p. Ch ng tâm hành, th y đ tu t p. T -n i-da pháp, Trì, Ph m đ y đ . Thông t t ch tĩnh, nhân g c m i pháp. B -tát mong đ t ái l c h p ý. Chi ph n năm lo i (b thí) ph c báo ng h p. N i ch n kh h p phát sinh th u đ t. Ch p ngã d y tranh (cãi), phóng túng sinh m ng. B c đ i h u tình t t i, đi u ph c. T ch tĩnh “vô sinh”, đi u ph c mong đ t. Trí thanh t nh rõ: B th không th t. Ch d y thanh t nh chân th t, thâm di u. Di n bày, ch b o t ch tĩnh cùng t n. Thân, ng , ý hành theo m i n o nghi p. T ch tĩnh phát sinh. Th y đ u mong đ t nhân hành bình đ ng, Ng n ngu n th u đ t, công d ng r ng r . Nh S t v ng yên đ nh. Thân ph n viên mãn, phép t c thanh t nh. T g c thành th t (đ t) thù th ng vô t n. Giáo pháp thanh t nh, đi u ph c chín loài. Làng xóm, x s , n i n i (đ u) áp d ng. T o nhân r ng l n, (đ t) c m áo sung túc. Nhân th ng t nh di u, tánh giác viên mãn. Ch ng hi n hành, thù th ng phát sinh. Thông t cõi tánh, lìa b hý lu n. Di u l c c a Ph t: Qu báo bình đ ng. Ái l c thù di u (là) t ch tĩnh vô tranh. T o nghi p thu n h u (đ t) an lành thù th ng. Thân (kh u, ý) cùng m i h nh (là nh ng) ph ng ti n khéo léo (đ th c hành). T thu n h p y, b thí mong c u tu t p r ng kh p. Căn b n thi n di u (đ t) thâm di u t i th ng. Thù di u t n cùng, không ngoài cõi tr i. Ng c quý nh ý. H ng t i t ch tĩnh. Lìa ch n huyên náo, trói bu c, g c r (c a) dòng thác phi n não. Là x qu c v ng nh n th c rõ ràng. An tr tĩnh l ng, yêu m n muôn loài. S a tr cõi b , an l c không d t. V t quý đáng yêu, chính là d y (đi u) thi n. Ch ng b ngã, th nh n t th y. T tánh bình đ ng (th hi n) kh p m i n i ch n. Ti n tu thành th t, t o nhân thù th ng. Hành đ ng t t i, phép t c t (n i) ta. Tĩnh tr vô tranh, d t nhân d c l c. Tâm nh h a sĩ, t o tác không cùng. Nh n th c th u đ t r t

ráo (đ u) n ng tâm. Pháp di u Th p thi n, chúng sinh (ph i) tìm h c. Qu c v ng th c hành đ u kh p viên mãn. tĩnh l ng d n d y đêm ngày không d ng. Là ch n tr ng phu d t m i tranh,

đ n. L p l p kính tin d c s c th u đ t. Đ ng n mong c u (d t) điên đ o kh não. Ni m ni m t ng t c, chúng sinh chuy n bi n. T o tác d t nhi m, d i dào l m lo i. Hành đ ng si đ n (do) tham ái không cùng. Hình t ng ngã m n, phi n não n ng nhau. G c c a ch p ngã t ng h p thành trăm. Th nào là đ c h nh h p ph n tròn l ng? Tùy thu n, d c tu b giác hi n bày. Chi ph n t o tác, l c d ng tăng tr ng. Thu n theo nghĩa l i, d c l c càng nhi u. Th u đ t nhân t nh (đem l i) l i ích th gian. Lành thay t tánh, b thí là nhân. C u giúp chúng sinh d t m i đói khát. Th u đ t t ch tĩnh, thông t ng n ngu n. Hành, gi i viên mãn, d t điên đ o, nhi m. Nh hình t ng tham, h ng mong d t s ch. Đ t đ c hình t ng vô tánh bao la. N ng t a b n lành, cõi tánh r ng m . Lìa b tăng tr ng tranh nhi m, t tánh sáng t . Hành y viên mãn, an l c thu n theo. Chi ph n thu n h p, g c c a th gian. Trí tu t ch tĩnh, nh n rõ trói bu c. Th ng nghĩa l n lao, ghi nh t n cùng. Hành đ ng phát sinh, nh th đánh đ ch. Tr i, ng i tĩnh tr , l c d ng t t i, d n d y thanh t nh, g c là đi u ph c. Trí tu thông t , b thí thu n h p. Mong đ t hi n bày (là) hành m i lo i thi n. Qu c v ng khéo d y: chúng sinh tham d c. L bái Thánh hi n, an l c t t i. Hành m i lo i thi n, (đ t) thâm di u chân th t. Thu n theo n i ch n, hình t ng thêm h i. Thân ph n sung đ , th ng h nh viên mãn. H nh lành g ng tu, ngày đêm không qu n. N i ch n tr ng phu d t h nh ngã m n. Ph t đ o thù th ng, chân th t phát sinh. Đi u ph c các loài, ng n ngu n viên mãn. Bình đ ng d t tranh, thân t ng dũng l c. Đ t tánh Tam b o t ch nhiên, an tĩnh. Nam t kính tin, l bái ph ng th . V ng gi t t i, chúng dân m n m . Ph t đ o phát sinh, d t s ch kiêu, d t. Cung kính, tùy thu n, h ng đ t t ch tĩnh, là ch n tr ng phu thù th ng phát kh i. ch n t t i, hành h nh th gian. N ng t a Th p thi n, đ t trí chân th t. T nh di u ch Thiên (là) an tĩnh th ng nghĩa. Tr i ng i chuy n h p, n o thi n đ nh rõ. N i dòng thác y, kiêu m n ch ng còn. Thân, ng , ý hành tu m i h nh thi n. Lìa ch ng, phi n não, d t v ng t ng, tranh (cùng) bu c, che. T o tác c i r t ch tĩnh. Nhân hành thanh t nh (đ t) t ch tĩnh chân th t. T tánh (c a b c) h u h c hành thi n th gian. Ngã ch p hý lu n trói bu

tr ng phu. Trí tu thâm di u, t theo l i Ph t. Si m n đ u lìa, chân th t nh v y. (Xa lìa t t c) điên đ o nhi m ô, n i sinh phi n não. “Đ ng n ” b bu c, khi n m lo l ng. D y b o nghiêm minh, ch ng nghĩa l i. Hi u bi t tăng thêm, th u đ t viên mãn. Ch p ngã thêm dày, phi n não tăng nhân. Thân tâm xa lìa m i th điên đ o. Là ch n qu c v ng pháp lu t th ng tôn. Dung m o năng l c trùm kh p nh v y. Phát sinh chân th t, thâm di u, r t ráo. Ngôn ng sâu xa, nghĩa l i h p ý. Xa lìa nhân ác, d t h t tham d c. B thí y là th ng nghĩa bình đ ng. Tu t p th u đ t, mong c u thu n h p. Ch p ngã c u u , t ch tĩnh ch ng s . Thu

t nh b t thoái. Cõi ý thông t . Hành l Nh nh . Th ng nghĩa các pháp, g c trí tu đ t. Căn b n đ c h nh, hành gi i g m đ . Tâm hi n tinh thu n, đ c “vô s ng i”. Nhân th ng hòa thu n, nghi p d d t tr . L c d ng t t i, phát tâm tu t p. Hành nhân đ c đáo, ái l c phát kh i. Thanh t nh hi n kh p, thông t , tùy thu n. Vô t ng hi n bày, b th không phân. Tĩnh l ng, trong lành, gi i thoát, không sinh. Đ t đ c t t i, g c m i m u m c. An đ nh nh núi, gánh vác đ l c. Hóa đ chúng sinh, đ t đ n c u cánh. Hình t ng r ng r . T o nhân tu t p. H ng c u vô t n. Lìa m i n i ch n. Đ c h nh d c tu. Lành thay hành hóa. Ch p ngã nh th b a vây t tánh. Lìa b chân th t, ch ng c u b thí. Nhân th ng thân tâm, căn b n sinh kh i. L i vua khen ng i. Là ch n v ng gi gánh vác bình đ ng. Thông t t n cùng t t c s th t. Dòng thác các pháp điên đ o ch ng còn. Giáo hóa t n cùng, s ch m i v ng t ng. Bồ-tát hành thí, Tôn giả Trang Nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa thứ hai mươi sáu. Chúng sinh sân h n, l u chuy n xa lìa. Đó là th u đ t l i B -tát

d y. H nh th ng an lành, trí tu thông t . T tánh các loài (đ u) theo l báo ng. L c d ng công năng g c r l m th . Các b c h u h c đ u d a cõi nhân. Thân tâm thanh t nh là g c (c a) t tánh. Th d ng theo nghi p, qu báo nhi u lo i. Th ng h nh phát kh i, tu thí viên mãn. T tánh trong lành, l c d ng th u đ t. Cõi tánh nhi u loài, căn b n (là) Thánh chúng. Ph t pháp t nh di u, h ng đ t ph m h nh. Di u d ng b thí, x s t t i. Hý lu n phát sinh, thi n t nh d t tr . Phép t c căn b n, thanh t nh trùm kh p. Phi n não hý lu n, thu n h p hi n bày. Nhân th ng t n cùng (là) th ng nghĩa hi n rõ. C i r tĩnh tr t n t i nh (cõi) không. L c d ng th t y, t t i b t thoái. Thánh chúng hòa h p t n cùng nh mây. T o tác tr n đ , ngã m n ch ng d y. T o nhân vô t ng, nh n qu thù th ng. Điên đ o, nhi m, m n, th y đ u ch ng sinh. Ph c báo t t i, h ng th m bay kh p. T ch tĩnh nh (cõi) không, đúng nghĩa gi i thoát. Hóa đ căn b n, thành t u ph c đ c. Bi n hóa t t i. An l c nh v y. Th nào là thông t th ng d ng (c a) nhân thi n? Làng xóm, n i ch n, kh p ch h ng c u. Th y đ u d t ch ng, tăng tr ng nh (cõi) không. Th ng nghĩa b t thoái, thâm di u khó đ t. Là cõi B -tát hành hóa dài lâu. Thu n theo Th p thi n, t tánh hi n bày. G c r t tánh, phi n não ch ng sinh. Ngã ki n, ch p tr c, nhi m ch ng t kh i. Qu báo theo hình th không lìa b . Cũng l i là n i tâm y tu t p. D n d y t ch tĩnh, hình t ng viên t nh. Dung m o đoan chính, l c d ng l n lao. Ph c báo th nh n tăng thêm không gi m. Nghi p thi n phát huy, h ng th m bay xa. Phát sinh b thí bình đ ng viên mãn. D c tu t nh di u, th ng nghĩa kh h p. Thu n theo quá kh , nhân m n ch ng sinh. Th u đ t thù th ng, lìa xa ngu mu i. B th chân th t (là) th ng nghĩa thi n t nh. Tu thí vô ngã, g c m i hình t ng. T o tác oán đ i, th ng đ nh ch ng sinh. Xa lìa tranh, nhi m, (đ t) bình đ ng trang nghiêm. B t sinh g m đ . Nhân g c hý lu n. T ch nhiên hi n bày. Gi i đ c nh v y, an tĩnh hòa h p. Nhân ph n t o tranh, nghiêm túc lìa b . Tâm t nh phát kh i, h p ph n kh p cõi. T tánh chân th t, r t ráo t n cùng. Hình t ng d c tu, thân th nh n báo. T ng nhân bi n đ ng, b o l c sinh kh i. Rõ ràng trong sáng, báo ng tr n đ . Tu t p tăng thêm, t nh di u đáng quý. Trong lành, t i đ p, ch ng h gi m b t. Mong đ t t t i, d c tu b thí. S c t ng không t , th t nhân trí tu . Là cõi có vua, qu báo h p ý. N i ch n trang nghiêm, thanh t nh t t i. Th u su t cõi xa nh m t cùng nhìn. Mong đ t phép t c, thu n h p chân th t. S c t ng h ng t i, t o nghi p thích h p. ng báo t x a, thành t u hi n t i. B ngã chuy n đ i, tham si t d t. Là ch n trí gi i t thân đ t đ c. Thông t h u vô, sinh tâm b t thoái. T t i tu thí, d t b

tham bu c. Phi n não nh dòng (n c) xói mòn cu c s ng. T tha giáo hóa nh phép t c vua. Nh n th c th u su t th y đ u đúng th c. N i ch n t ch tĩnh, tu giác t ng . Ngôn ng lan r ng, l c d ng phát sinh. B th tuy xa nh cùng đ i m t. N i ch n tùy thu n lâu b n, tr n v n. Thân th thù th ng di t s ch đ o điên. Tu t p thông su t, tĩnh tr hi n bày. B giác r ràng thâm di u, tĩnh l ng. D t tr tham ái, phát kh i b t thoái. Phi n não gi m thi u, t nh di u thêm t . T tánh s ch nhi m, kh h p hi n hi n. T ng chân th t, l c d ng l n lao. T ng năm u n đ t, tùy thu n tr n nên. Dòng thác chuy n đ i, t ch tĩnh phát kh i. Sâu xa vi di u, v n không hình t ng. T tánh tùy thu n, g c v n tĩnh tr . V ng t ng t o tác câu nhi m, tai h a. L c d ng gánh vác r i b phi n não. Nhân t ng chi ph n đ t đ c ung dung. Rõ l tùy thu n, th ng h nh g ng làm. H ng c u l c ch n, t ng điên đ o sinh. Phi n não nh mây ph trùm t tánh. Tr t n tai n n, t nh di u bày rõ. Th p thi n g ng theo (đ t) t tánh chân th t. Th gian m n d y (nh ng) v ng gi t t i. V ng t ng d y kh p (là) g c m i trói bu c. Tu t p thêm tăng, qu báo chuy n đ i. H ng gi i th m l ng, t ng viên mãn. V ng gi dung m o oai nghiêm nh th . Ph c báo t t b c, th gian khó sánh. T tánh

bình đ ng, hành theo Th p thi n. Ph c đ c viên mãn, vô cùng tôn sùng. Là ch n v ng gi phép t c đ u kh p. Thánh l c trên h t c u đ muôn loài. Trí gi i thông t , muôn dân tin c y. Giáo l nh bình đ ng, th y đ u an tĩnh. Là (b c) Đ i tr ng phu cõi n c quý giá. Là ch n có vua, hành gi i g m đ . Thánh l c an đ nh, d t điên đ o, tranh. Đ t n c đói nghèo (là) đi u ch a t ng có. Tam b o an tr , g ng s c thi hành. L c d ng t nh di u, th u đ t kh h p. Là ch n B -tát căn b n hành hóa. L c d ng h n h n, t ch tĩnh viên mãn. Cõi ý ung dung d t m i trói bu c. Th ng nghĩa phát huy, t ch m c kh p ch n. T o tác thu n h p, bình đ ng lan kh p. L c d ng sinh sôi, t ch tĩnh cùng t n. Si đ n, hý lu n h t nhiên d t s ch. M hi n yên vui chuy n kh p không d ng. Đói khát không còn, th y đ c an l c. Bi nguy n r ng kh p, h ng đ t vô t n. Ch p ngã ch ng sinh, cõi tâm chân th t. T tánh u vi t (là) t t i t n cùng. N i ch n chúng sinh thù th ng, hòa thu n. Trí căn b n y ch ng “b t kh đ c”. L c d ng thân tâm t ch tĩnh nh (cõi) không. Hình t ng hòa h p, ng n ngu n thâm di u. Là cõi tánh u n tích t , t o tác. Điên đ o t n cùng, c u nhi m h t m c. T tánh chúng sinh g c là tinh t n. Hình t ng vô ngã, phát sinh nh th . Gánh vác cùng t n, tác d ng h p nh t. Tĩnh l ng vô ngôn, s ch m i v ng b n. G c r vô t ng đâu d l bày. Thu n h p phát huy mong d t hý lu n. T ng thân tĩnh tr . Chi ph n thù th ng, vô ngã t bày. Cõi bi n chuy n y (b c) h u h c h ng đ t. Ý d c tu t p, tai h a d t h t. Phát sinh d c tu, tăng tr ng không m t. Hình t ng t o đ c (là) n i ch n t n cùng. Tánh v n t ch tĩnh, m u m c trùm kh p. N ng d a t nh di u, dung m o tr n nên. Tánh t th hi n thâm di u, không kiêu. Tánh u n tích t , tăng thêm cùng t n. Ngã m n choáng h t t o nên tánh phàm. D c h ng t ch tĩnh, m m thi n phát sinh. B c đ i h u tình, tâm t o an tr . Tu thí bình đ ng, t ch tĩnh nh (cõi) không. Vô t ng tĩnh tr , d t m i kinh s . Tĩnh l ng nh (cõi) không, x a nay “vô t ng”. T tánh nh nghĩ, quy ng ng, tôn sùng. D y b o nh v y, hi p nh t thu n h p, là ch n mong đ t v t quý xu t hi n. Ph t đ o phát huy t n di t v ng t ng. B thí chân th t, tĩnh l ng vô tác. Ba th a quá đ cùng v b n giác. T t i chân th t (là) t ch tĩnh “b t sinh”. S c t ng an nhiên, l c d ng d c tu. Đêm ngày sáu th i giáo hóa không ng t. D t b phi n não, tâm tu hòa h p. Thánh trí v ng gi xem xét kh p cõi. Sinh linh muôn loài ch ng h t b . Tâm sinh gi i thoát, l i Ph t d y rõ. B thí không kiêu, c u cánh t nh di u. Trí Ph t bình đ ng. Th nào là l i sinh vào hàng h u l u?

Là x có vua c u giúp nghèo khó. Tham ái trói bu c, tu h nh c u nhi m. Thân tâm ch a d t h t m i điên đ o. T o tác nh v y, x s , (thêm) b t n. Th u đ t viên mãn, tu h nh chân chính. S c t ng th ng di u, oán đ i l ng d ng. Ý d t ngã m n. Hình bóng c a tâm. T o nhân d n d y. Tâm v n bao la. B n lành giúp s c. T tánh phát sinh. D y trao bày rõ. Th ng nghĩa hòa h p. Xa lìa ch p ngã, là n i đ t n c tu h nh thanh t nh. L c d ng b thí, t t i nh tr i. D t m i hý lu n, Thánh l c hi n l . Di u d ng sinh kh i, kiêu m n t n tr . Tâm thi n (v n) khó bày, h ng c u t đ t. Tĩnh tr hòa h p, lìa tham, sân, si. C i r th ng nghĩa, s ch hý lu n, bu c. Bình đ ng, t t i, th u đ t viên mãn. Ch p ngã ch ng sinh, thâm di u là v y. C u cánh cõi ng i, vua là t t b c. T ng m o viên mãn (do) nhi u ki p tu t p. G c l i Ph t d y (là) gi i thoát chúng sinh. Th m ng ng n dài do t o nghi p. Ch t a kính tu. Chuyên trì tu t p, b thí h t m c. Chúng sinh h ng c u lìa b oán đ c. Tu h nh b thí, l c d ng th u đ t. S c t ng chân th t, nguy n l c tu trì. D t nhân hình t ng, si đ n l di n. Các loài nh v y trói bu c khó lìa, là ch n B -tát đ t trí chân th t. D n d t chúng sinh kh i n n đói khát. B thí tùy thu n, mong đ t gi i đ c. H ng d t hý lu n. Đ t đ c trí gi i. D c tu h nh thí, phi n não ch ng sinh. T o nhân trí tu . Chúng sinh si đ n (b) trói bu c

d c ngang. Phi n não nh th không th xa lìa. Nh v qu c v ng gánh vác đ t n c. Pháp l nh bình đ ng th ng không h b . Muôn loài d y m n (ph i) ch ng , nghiêm tr . T (bi) trí (tu) cùng sinh, th u đ t thích h p. L nh ban ba l t, đ ra đúng lúc. Phép t c nghiêm minh, vi

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.